TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN PHÚ** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2021/DS-ST
Ngày: 16-3-2021
V/v "Tranh chấp hợp đồng dân sự về hụi".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ, TỈNH AN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Tuân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Tuyết Ái;

2. Ông Phan Phước Tân.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Đỗ Ngọc Mai Thy – Thư ký Toà án nhân dân huyện An Phú.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang tham gia phiên toà: Ông Huỳnh Minh Triết – Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 467/2020/TLST-DS ngày 23 tháng 11 năm 2020 về việc "Tranh chấp hợp đồng dân sự về hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2021/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 01 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 80/2021/QĐST-DS ngày 25 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1976 và bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1979; cùng địa chỉ: Tổ 14, ấp PT, xã PH, huyện AP, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Bà Trần Thị Q, sinh năm 1986 và ông Nguyễn Chí T, sinh năm 1986; cùng đị chỉ: Tổ 09, ấp PT, xã PH, huyện AP, tỉnh An Giang.

Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị G có mặt; ông Nguyễn Văn L, ông Nguyễn Chí T vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; bà Trần Thị Q vắng mặt không rõ lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn; cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng năm 2019, do quen biết nên bà Nguyễn Thị G có tham gia 03 dây hụi do bà Trần Thị Q làm chủ, cụ thể như sau:

- Dây hụi thứ 1: Dây hụi 15 ngày, mở ngày 30/10/2019 (Âm lịch), hụi gồm 22 phần, mỗi phần 1.000.000 đồng, bà G tham gia 02 phần. Loại hụi hưởng hoa hồng, khui vào ngày 15 và 30 mỗi tháng Âm lịch, mỗi lần khui hụi thì bà Q hưởng hoa hồng 500.000 đồng. Bà G đóng hụi 18 lần, mỗi lần 2.000.000 đồng và dự định hốt vào cuối dây hụi. Tuy nhiên, khi bà G hốt hụi thì bà Q không giao tiền. Dây hụi kết thúc vào tháng 07/2020. Số tiền bà Q còn nợ lại bà G là 36.000.000 đồng.

- Dây hụi thứ 2: Dây hụi 10 ngày, mở ngày 08/02/2020 (Âm lịch), hụi gồm 42 phần, mỗi phần 500.000 đồng, bà G tham gia 04 phần. Loại hụi hưởng hoa hồng, khui vào ngày 08, 18, 28 mỗi tháng Âm lịch, mỗi lần khui hụi thì bà Q hưởng hoa hồng 250.000 đồng. Bà G đóng hụi 23 lần, mỗi lần 2.000.000 đồng. Tuy nhiên, khi bà G hốt hụi ở lần khui hụi thứ 23 thì bà Q tuyên bố vỡ hụi. Do đó, số tiền bà Q còn nợ lại bà G đối với dây hụi này là 46.000.000 đồng.

- Dây hụi thứ 3: Dây hụi tuần, mở ngày 09/5/2020 (Âm lịch), hụi gồm 45 phần, mỗi phần 300.000 đồng, bà G tham gia 04 phần. Loại hụi hưởng hoa hồng, khui vào ngày thứ 2 mỗi tuần, mỗi lần khui hụi thì bà Q hưởng hoa hồng 150.000 đồng. Bà G đóng hụi 14 lần. Tuy nhiên, khi bà G hốt hụi ở lần khui hụi thứ 15 thì bà Q tuyên bố vỡ hụi. Do đó, số tiền bà Q còn nợ lại bà G đối với dây hụi này là 16.800.000 đồng.

Khi tham gia dây hụi thì bà Q cung cấp cho mỗi hụi viên một giấy chơi hụi (sổ hụi). Tên của bà G trong giấy chơi hụi là "chị L". Suốt quá trình chơi hụi, từ việc kêu hụi, góp hụi, chơi hụi đều do bà Q thực hiện. Do đó, ngày 20/01/2021, bà G rút lại yêu cầu khởi kiện đối với ông Nguyễn Chí T. Chỉ khởi kiện yêu cầu bà Trần Thị Q phải hoàn trả lại cho bà G số tiền nợ hụi 98.800.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Theo bản tự khai ngày 07/01/2021, ông Nguyễn Văn L cho biết: Ông Nguyễn Văn L là chồng của bà Nguyễn Thị G. Ông L thống nhất với lời trình bày của bà G về quá trình chơi hụi. Ngày 08/02/2021, ông Nguyễn Văn L rút lại yêu cầu khởi kiện đối với ông Nguyễn Chí T. Chỉ yêu cầu bà Trần Thị Q có nghĩa vụ hoàn trả lại số tiền nợ hụi theo như yêu cầu của bà G. Ông L có yêu cầu được vắng mặt khi vụ án được đưa ra xét xử.

Theo biên bản ghi lời khai ngày 08/01/2021, ông Nguyễn Chí T cho biết: Ông Nguyễn Chí T là chồng của bà Trần Thị Q, bà Q hiện đang sinh sống cùng với ông T tại địa chỉ: Tổ 09, ấp PT, xã PH, huyện AP, tỉnh An Giang. Việc bà Q làm chủ hụi, trong đó có bà Nguyễn Thị G tham gia dây hụi thì ông T biết được sự việc, nhưng không rõ số tiền bà Q còn nợ lại bà G là bao nhiêu. Bà Q trước đó chỉ ở nhà chăm sóc con cái, mới làm hụi cách nay khoảng 02 năm. Ông T từ trước đến nay có nghề nghiệp sửa điện tử nên mọi chi tiêu sinh hoạt trong gia đình đều do ông T và gia đình ông T đảm nhận. Sau khi bà Q bắt đầu làm hụi thì tiền lời từ hụi bà Q chỉ giữ và dùng để chi tiêu cá nhân. Ông T có nhận thay các văn bản tố tụng của Tòa án và có thông báo cho bà Q biết, nhưng do trốn tránh nên bà Q không đến Tòa án. Ông Tâm sẽ nhận thay các văn bản tố tụng của Tòa án và cam kết giao lại cho bà Q. Do bận công việc làm ăn nên ông T có yêu cầu được vắng mặt khi Tòa án triệu tập.

Ngày 21/12/2020 và ngày 06/01/2021, Tòa án đã triệu tập bà Trần Thị Q và ông Nguyễn Công T (Nguyễn Chí T) để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà Q và ông T đều vắng mặt không rõ lý do nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bà Q cũng như không tiến hành hòa giải được. Ngày 20/01/2021, Tòa án cũng triệu tập bà Trần Thị Q để tham gia đối chất nhưng bà Q vẫn tiếp tục vắng mặt khong rõ lý do.

Tòa án ban hành Thông báo yêu cầu giao nộp bản tự khai và tài liệu, chứng cú số 16/2021/TB-TLVA ngày 08/01/2021 và Thông báo về việc thu thập được tài liệu, chứng cứ số 71/TB-TA ngày 26/01/2021. Tất cả các văn bản đều thông báo cho bà Q, ông Tâm biết để thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình.

Về tài liệu, chứng cứ:

Các tài liệu, chứng cứ do bà Nguyễn Thị G và ông Nguyễn Văn L giao nộp: Bản chính Bản tự khai ngày 17/11/2020 mang tên Nguyễn Thị G; bản sao Giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Thị G và Sổ hộ khẩu gia đình mang tên Vỏ Thị L; bản photo Giấy hụi ngày 30/10/2019, ngày 08/02/2020, ngày 09/5/2020; bản chính Bản tự khai ngày 07/01/2021 mang tên Nguyễn Văn L; Đơn rút yêu cầu khởi kiện ông Nguyễn Chi T mang tên Nguyễn Thị G, Nguyễn Văn L.

Các tài liệu, chứng cứ do bà Trần Thị Q giao nộp: Không có.

Các tài liệu chứng cứ do ông Nguyễn Chí T giao nộp: Bản photo Sổ hộ khẩu gia đình mang tên Nguyễn Chí T.

Các tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập: Bản chính biên bản xác minh tại Ban ấp Phước Mỹ, xã Phước Hưng, huyện An Phú ngày 08/01/2021; Bản chính biên bản xác minh tại Ban ấp Phước Thạnh, xã Phước Hưng, huyện An Phú ngày 08/01/2021; Bản chính biên bản lấy lời khai của người làm chứng bà Huỳnh Ngọc L ngày 07/01/2021; Bản chính biên bản lấy lời khai ông Nguyễn Chí T ngày 08/01/2021; bản chính Biên bản xác minh tại Công an xã Phước Hưng ngày 03/3/2021.

Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị G vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bà Trần Thị Q phải có nghĩa vụ hoàn trả số tiền nợ hụi 98.800.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Hội đồng xét xử công bố biên bản xác minh, biên bản lấy lời khai người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

- Theo biên bản xác minh ngày 08/01/2021, đại diện Ban ấp Phước Mỹ, xã Phước Hưng, huyện An Phú cho biết: Bà Trần Thị Q trước đây có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ: Tổ 14, ấp Phước Mỹ, xã Phước Hưng, huyện An Phú, tỉnh An Giang. Hiện nay chỉ còn cha mẹ, em trai bà Q sinh sống tại địa chỉ nêu trên. Bà Q sau khi lập gia đình với ông Tâm đã chuyển hộ khẩu về gia đình ông T tại ấp Phước Thạnh, xã Phước Hưng sinh sống.

- Theo biên bản xác minh ngày 08/01/2021, đại diện Ban ấp Phước Thạnh, xã Phước Hưng, huyện An Phú cho biết: Bà Trần Thị Q, sinh năm 1986 và ông Nguyễn Công T, sinh năm 1986 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ: Tổ 09, ấp Phước

Thạnh, xã Phước Hưng, huyện An Phú, tỉnh An Giang. Bà Q vẫn sinh sống và thường tới lui giữa nhà mẹ đẻ tại ấp Phước Mỹ và nhà ông T tại ấp Phước Thạnh. Bà Q và ông T là vợ chồng, sau khi lập gia đình thì chỉ thấy bà Q ở nhà làm nội trợ, sau này có nghe nói bà Q làm chủ hụi. Ông T có nghề nghiệp sửa điện tử từ trước đến nay.

- Theo biên bản xác minh ngày 03/3/2021, đại diện Công an xã Phước Hưng cho biết: Qua trích lục tàng thư và hộ khẩu gia đình thì ông Nguyễn Chí T, sinh năm 1986 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ: Tổ 09, ấp Phước Thạnh, xã Phước Hưng, huyện An Phú, tỉnh An Giang. Ông Nguyễn Chí T có vợ là bà Trần Thị Q, sinh năm 1986. Ông Nguyễn Chí T và ông Nguyễn Công T thực tế chỉ là một người mang tên Nguyễn Chí T, sinh năm 1986.

- Theo biên bản lấy lời khai ngày 07/01/2021, bà Huỳnh Ngọc L cho biết:

Bà Huỳnh Ngọc L và bà Nguyễn Thị G quen biết nhau do bà G hay đi bán cá ngang nhà. Sau đó, bà L và bà G có chơi hụi chung do bà Trần Thị Q làm chủ hụi. Bà L và Q có quan hệ họ hàng, bà Q là dâu gọi bà L là thiếm, trong sổ hụi ghi tên bà L là "Thiếm tư".

Bà L có tham gia tổng cộng 03 dây hụi do bà Q làm chủ, cụ thể:

+ Dây hụi tuần mở ngày 09/5/2020 Âm lịch, hụi gồm 45 phần, mỗi phần 300.000 đồng, hụi dự kiến kết thúc ngày 22/3/2021 Âm lịch, loại hụi hưởng hoa hồng. Khi tham gia mỗi hụi viên đều được bà Q giao cho 1 tờ giấy hụi. Bà L tham gia 02 phần, bà G tham gia 04 phần. Dây hụi này bà Lợi đóng được 14 kỳ thì vỡ hụi. Bà L và bà G chưa hốt được lần nào thì vỡ hụi.

+ Dây hụi 10 ngày, mở ngày 08/02/2020 Âm lịch, hụi gồm 42 phần, mỗi phần 500.000 đồng, hụi dự kiến kết thúc ngày 01/02/2021 Âm lịch. Khi tham gia dây hụi. mỗi hụi viên được bà Q giao cho tờ giấy hụi. Hụi này bà Lợi tham gia 01 phần, bà G tham gia 04 phần. Dây hụi này bà L đóng được 23 kỳ thì vỡ hụi. Bà L và bà G cũng chưa hốt được lần nào.

+ Dây hụi nửa tháng, mở ngày 30/10/2019 Âm lịch, hụi gồm 22 phần, mỗi phần 1.000.000 đồng, hụi này bà Lợi tham gia 01 phần, con dâu bà L tham gia 01 phần (tên trong sổ hụi là Lộc Em), bà G tham gia 02 phần. Dây hụi này bà L đã hốt từ trước. Nhưng sau khi kết thúc dây hụi thì còn lại bà G và con dâu bà L thì bà Q không giao tiền.

Thông thường khi đến kỳ góp hụi thì bà Q sẽ đi tìm từng người để lấy tiền. Khi thì bà Q đi một mình, khi thì ông T chở đi. Bà G mỗi ngày đều đi bán cá ngang nhà bà L, rồi ngồi lại uống cà phê. Do đó, mỗi lần bà Q đi góp hụi đều đến chỗ bà L và bà G hay ngồi để lấy tiền. Do đó, việc bà G đóng hụi và hốt hụi thế nào thì bà L biết rõ.

Ông T có nghề ngiệp là sửa điện tử tại nhà và là lao động chính trong gia đình, bà Q không có nghề nghiệp, chỉ làm nội trợ. Khoảng vài năm nay, bà Q được mẹ ruột khuyến khích làm chủ hụi, mục đích là để đỡ đần tiền bạc trong gia đình.

Do đó, việc ông T có làm hụi chung với bà Q hay không thì bà L không rõ. Bà L yêu cầu được vắng mặt khi vụ án được đưa ra xét xử.

- Quan điểm đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ đảm bảo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; thành phần Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi. Bà Trần Thị Q vắng mặt lần thứ hai không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn bà Trần Thị Q đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do, không trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn nên chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị G và ông Nguyễn Văn L, buộc bà Trần Thị Q phải có nghĩa vụ hoàn trả cho bà G, ông L số tiền nợ hụi 98.800.000 (chín mươi tám triệu tám trăm nghìn) đồng. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với ông Nguyễn Chí T. Về án phí, buộc bà Trần Thị Q phải chịu án phí sơ thẩm, bà G và ông L không phải chịu án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quyền khởi kiện và tư cách tham gia tố tụng: Bà Nguyễn Thị G, ông Nguyễn Văn L khởi kiện yêu cầu bà Trần Thị Q phải có nghĩa vụ hoàn trả số tiền nợ hụi 98.800.000 (chín mươi tám triệu tám trăm nghìn) đồng. Căn cứ Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị G là nguyên đơn; bà Trần Thị Q, ông Nguyễn Chí T là bị đơn.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn hoàn trả số tiền nợ hụi, do đó, xác định quan hệ tranh chấp là "Tranh chấp hợp đồng dân sự về hụi", là tranh chấp dân sự theo quy định tại Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ: Tổ 09, ấp PT, xã PH, huyện AP, tỉnh An Giang nên căn cứ các điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xác định vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Phú.

[1.3] Về việc vắng mặt của đương sự tại phiên tòa: Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn bà Trần Thị Q đều vắng mặt không lý do; đồng thời, bà Q đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không lý do. Như vậy, bà Q đã tự từ bỏ quyền, nghĩa vụ tham gia tố tụng của mình. Do đó, vụ án được xem là không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Hội đồng

xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với đương sự là phù hợp với quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về đánh giá chứng cứ: Bà Trần Thị Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án, không có văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị G, ông Nguyễn Văn L và cũng không cung cấp cho Tòa án tài liệu chứng cứ để thể hiện việc phản bác hay chấp nhận đối với yêu cầu của bà G, ông L. Vì vậy, theo quy định tại Điều 91, 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án sẽ căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do bà G, ông L giao nộp và chứng cứ do Tòa án thu thập được để giải quyết vụ án.

[2.2] Về yêu cầu khởi kiện: Do quen biết nên khoảng năm 2019, bà Nguyễn Thị G có tham gia 03 dây hụi do bà Trần Thị Q làm chủ, bao gồm:

- Dây hụi thứ 1: Dây hụi 15 ngày, mở ngày 30/10/2019 (Âm lịch), hụi gồm 22 phần, mỗi phần 1.000.000 đồng, bà G tham gia 02 phần. Loại hụi hưởng hoa hồng, khui vào ngày 15 và 30 mỗi tháng Âm lịch, mỗi lần khui hụi thì bà Q hưởng huê hồng 500.000 đồng. Bà G đóng hụi 18 lần, mỗi lần 2.000.000 đồng và dự định hốt vào cuối dây hụi. Tuy nhiên, khi bà G hốt hụi thì bà Q không giao tiền. Dây hụi kết thúc vào tháng 07/2020. Số tiền bà Q còn nợ lại bà G là 36.000.000 đồng.

- Dây hụi thứ 2: Dây hụi 10 ngày, mở ngày 08/02/2020 (Âm lịch), hụi gồm 42 phần, mỗi phần 500.000 đồng, bà G tham gia 04 phần. Loại hụi hưởng hoa hồng, khui vào ngày 08, 18, 28 mỗi tháng Âm lịch, mỗi lần khui hụi thì bà Q hưởng huê hồng 250.000 đồng. Bà G đóng hụi 23 lần, mỗi lần 2.000.000 đồng. Tuy nhiên, khi bà G hốt hụi ở lần khui hụi thứ 24 thì bà Q tuyên bố vỡ hụi. Do đó, số tiền bà Q còn nợ lại bà G đối với dây hụi này là 46.000.000 đồng.

- Dây hụi thứ 3: Dây hụi tuần, mở ngày 09/5/2020 (Âm lịch), hụi gồm 45 phần, mỗi phần 300.000 đồng, bà G tham gia 04 phần. Loại hụi hưởng hoa hồng, khui vào ngày thứ 2 mỗi tuần, mỗi lần khui hụi thì bà Q hưởng huê hồng 150.000 đồng. Bà G đóng hụi 14 lần. Tuy nhiên, khi bà G hốt hụi ở lần khui hụi thứ 15 thì bà Q tuyên bố vỡ hụi. Do đó, số tiền bà Q còn nợ lại bà G đối với dây hụi này là 16.800.000 đồng.

Từ khi kết thúc các dây hụi đến nay, bà Q vẫn chưa giao tiền hụi đầy đủ cho bà G nên bà G, ông L khởi kiện yêu cầu bà Q hoàn trả lại số tiền nợ hụi 98.800.000 (chín mươi tám triệu tám trăm nghìn) đồng. Xét về nội dung và hình thức hợp đồng góp hụi giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015 nên phát sinh hiệu lực thi hành.

[2.3] Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Chí T xác nhận bà Nguyễn Thị G có tham gia dây hụi do bà Trần Thị Q làm chủ, sau khi mãn hụi thì bà Q còn nợ lại tiền bà G nhưng không rõ số tiền bao nhiêu. Người làm chứng bà Huỳnh Ngọc L cũng xác nhận việc có cùng với bà G tham gia 03 dây hụi do bà Q làm chủ, cả 03 dây hụi bà G đều chưa hốt hụi lần nào. Từ những căn cứ nêu trên, có cơ sở xác định việc bà Q không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ giao tiền hụi theo đúng cam kết là đã vi phạm nghĩa vụ của chủ hụi theo quy định tại Điều 18 Nghị định

19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường. Cho nên, căn cứ Điều 23 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà G, ông L.

[2.4] Về lãi suất: Do bà Nguyễn Thị G và ông Nguyễn Văn L không yêu cầu tính lãi đối với số tiền nợ hụi nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.5] Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với ông Nguyễn Chí T do bà Nguyễn Thị G và ông Nguyễn Văn L rút lại yêu cầu khởi kiện đối với ông T theo quy định tại Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2.6] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử thống nhất với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân dân huyện An Phú, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị G và ông Nguyễn Văn L, buộc bà Trần Thị Q phải có trách nhiệm hoàn trả cho bà G, ông L số tiền nợ hụi 98.800.000 (chín mươi tám triệu tám trăm nghìn) đồng.

[2.7] Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bà Trần Thị Q còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm và các chi phí tố tụng khác:

Bà Trần Thị Q phải chịu án phí đối với yêu cầu của bà Nguyễn Thị G, ông Nguyễn Văn L được Tòa án chấp nhận.

Bà Nguyễn Thị G, ông Nguyễn Văn L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho bà G, ông L.

Các đương sự không phải chịu các chi phí tố tụng khác.

[4] Về quyền kháng cáo:

Bà Nguyễn Thị G, ông Nguyễn Văn L, bà Trần Thị Q, ông Nguyễn Chí T có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 357, 471 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 18, Điều 23 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường

Căn cứ các điều 91, 92, 147, 244, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị G và ông Nguyễn Văn L.

1.1. Buộc bà Trần Thị Q có trách nhiệm hoàn trả cho bà Nguyễn Thị G và ông Nguyễn Văn L số tiền 98.800.000 (chín mươi tám triệu tám trăm nghìn) đồng.

1.2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bà Trần Thị Q còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị G và ông Nguyễn Văn L đối với ông Nguyễn Chí T.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm và các chi phí tố tụng khác:

3.1. Bà Trần Thị Q phải chịu 4.940.000 (bốn triệu chín trăm bốn mươi nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3.2. Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị G và ông Nguyễn Văn L số tiền 2.295.000 (hai triệu hai trăm chín mươi lăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: TU/2019/0004946 ngày 23/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú, tỉnh An Giang.

3.3. Các đương sự không phải chịu các chi phí tố tụng khác.

4. Về quyền kháng cáo: Án tuyên công khai có mặt bà Nguyễn Thị G; vắng mặt ông Nguyễn Văn L, bà Trần Thị Q và ông Nguyễn Chí T. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà Nguyễn Thị G có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Riêng thời hạn kháng cáo của ông Nguyễn Văn L, bà Trần Thị Q và ông Nguyễn Chí T là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang (1);
- VKSND tỉnh An Giang (1);
- VKSND huyện An Phú (1);
- THADS huyện An Phú (1);
- Các đương sự (4);
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Phạm Tuân